

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm”, mã số: KC.11/21-30**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Căn cứ vào Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Công văn số 1066/TTg- KGVX ngày 05/8/2021;*

*Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030: “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm” (sau đây gọi tắt là Chương trình), mã số: KC.11/21-30. Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của Chương trình quy định tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Cơ chế quản lý và tài chính của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Ban Chủ nhiệm Chương trình, Giám đốc Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Văn Tùng**

## PHỤ LỤC

Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm khoa học và chỉ tiêu đánh giá của chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm”, mã số: KC.11/21-30

(Kèm theo Quyết định số 1255/QĐ-BKHHCN ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

### I. Mục tiêu

1. Ứng dụng và phát triển được các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công nghiệp hóa dược và dược phẩm để nâng cao khả năng tự chủ sản xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam.
2. Làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo thiết bị, dây chuyền thiết bị hiện đại phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm.

### II. Nội dung

1. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến sản xuất nguyên liệu làm thuốc (nguyên liệu thuốc hóa dược, cao dược liệu chất lượng cao, nguyên liệu thuốc sinh học, dược chất phóng xạ, tá dược).
2. Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến sản xuất thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền có dạng bào chế hiện đại, thuốc sinh học, thuốc phóng xạ.
3. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ công nghiệp hóa dược và dược phẩm.

### III. Dự kiến sản phẩm

1. Quy trình công nghệ sản xuất nguyên liệu làm thuốc (nguyên liệu thuốc hóa dược, cao dược liệu chất lượng cao, nguyên liệu thuốc sinh học, dược chất phóng xạ, tá dược).
2. Quy trình công nghệ sản xuất thuốc (thuốc hóa dược với công nghệ bào chế hiện đại, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền có dạng bào chế hiện đại, thuốc sinh học, thuốc phóng xạ).
3. Bộ tài liệu thiết kế và quy trình công nghệ chế tạo thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ công nghiệp hóa dược và công nghiệp dược.
4. Sản phẩm nguyên liệu làm thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký lưu hành theo quy định của Bộ Y tế.
5. Sản phẩm thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký lưu hành theo quy định của Bộ Y tế.
6. Thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ công nghiệp hóa dược và dược

phẩm.

#### **IV. Yêu cầu đối với sản phẩm khoa học**

Giải pháp, quy trình công nghệ, sản phẩm được tạo ra có tính năng kỹ thuật, kiểu dáng, chất lượng tương đương, có thể cạnh tranh được với các công nghệ, sản phẩm cùng loại của các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

#### **V. Chỉ tiêu đánh giá**

##### **1. Về ứng dụng vào thực tiễn:**

- 80% công nghệ, sản phẩm tạo ra có tính năng kỹ thuật, chất lượng tương đương với công nghệ, sản phẩm cùng loại của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- 50% số nhiệm vụ có kết quả được ứng dụng, trong đó 20% số nhiệm vụ có kết quả có khả năng thương mại hóa.

##### **2. Về trình độ khoa học:**

- 100% số nhiệm vụ có kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành được phê duyệt theo Quyết định của Hội đồng giáo sư nhà nước.

- Ít nhất 10% số nhiệm vụ có bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus.

##### **3. Về sở hữu trí tuệ:**

Ít nhất 30% số nhiệm vụ có đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) được chấp nhận, trong đó 10% số nhiệm vụ có bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích được công nhận.

##### **4. Về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:**

50% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo sau đại học, trong đó 10% số nhiệm vụ có tham gia đào tạo tiến sĩ.

##### **5. Về cơ cấu nhiệm vụ:**

- 50% số nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia thực hiện.

- 20% số nhiệm vụ do doanh nghiệp chủ trì thực hiện./

---

123